

Đông Hải đại vương Đoàn Thượng tại Hưng Yên

HOÀNG MẠNH THẮNG*

Đoàn Thượng là nhân vật lịch sử vào cuối thời Lý đầu thời Trần đã được huyền thoại hóa đi vào đời sống tín ngưỡng dân gian. Thống kê qua các nguồn tư liệu điều tra và thực tế khảo sát trong vùng châu thổ Bắc Bộ cho thấy có 280 di tích thờ thần Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, ở 12 tỉnh, thành phố⁽¹⁾ chủ yếu thuộc vùng đất Hải Đông thời nhà Lý.

Tỉnh Hưng Yên có 57 di tích thờ Đoàn Thượng (9/10 huyện, thị xã), bắt đầu từ huyện Mỹ Hào lan tỏa ra các huyện huyện Yên Mỹ, Ân Thi, Kim Động. Các di tích và lễ hội thờ Đoàn Thượng đã tạo thành một nhóm lễ hội tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

1. Đoàn Thượng trong thư tịch và truyền thuyết dân gian

Địa bàn xã Yên Nhân xưa, nay là thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào và khu vực Mao Điền, nay là xã Cẩm Điền, huyện Gia Lộc, là hai địa điểm chính trong vùng tín ngưỡng thờ Đoàn Thượng với truyền thuyết “đầu Bản, thân Mao”: khi ngài hóa, đầu ở Bản và thân ở Mao

Điền. Chính vì vậy, hai địa phương này có đền thờ Ngài.

Các sách *Việt điện u linh*, *Đại Việt sử ký toàn thư* đều có ghi chép về tướng quân Đoàn Thượng. Sách *Đại Nam nhất thống chí*, mục đền miếu có chép: Đền thần Đông Hải ở xã Yên Nhân huyện Đường Hào. Thân họ Đoàn, tên là Thượng, người xã Xuân Độ, huyện Gia Lộc. Nhà Lý suy yếu, bị họ Trần ức hiếp, Đoàn Thượng giữ nghĩa lớn không thuận phục nhà Trần, đắp lũy Yên Nhân ở Hồng Châu, đánh nhau với nhà Trần bị chết trận, người địa phương lập đền thờ⁽²⁾. Ông nguyên là con bà vú nuôi của vua Lý Huệ Tông. Sinh thời Đoàn Thượng có sức khỏe phi thường, lớn lên làm quan dưới triều Lý. Ông xây thành ở Yên Nhân để chống lại quân nhà Trần. Cuộc cát cứ bị thất bại trước lực lượng do Nguyễn Nộn đã liên kết với Trần Thủ Độ. Thời gian cuộc chiến vào tháng 12 âm lịch. Tuy nhiên thông tin về ngày sinh của vị thần, ngày mất cụ thể của Đoàn Thượng không được ghi chép.

Trong tâm thức dân gian, Đoàn Thượng được tôn thờ ở đình - đền 7 làng

* Hoàng Mạnh Thắng, NCS Viện Văn hóa - Nghệ Thuật

vùng Bản, đó là Yên Nhân, Yên Thổ, Phú Đa, Trà Lôi, Dân Ngữ... Tuy nhiên, đến nay các tư liệu gia phả, bia ký không còn.

Trong *Truyện Đoàn Thượng triều Lý*⁽³⁾, ngày hóa của Ngài là ngày 10 tháng 12. Nơi thờ chính Đoàn Thượng là làng Yên Nhân nơi ông hy sinh và quê hương ông là hương Xuân Độ, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu (nay là làng Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương).

2. Di tích thờ Đoàn Thượng

Trong hệ thống các di tích thờ Đoàn Thượng, thì vùng tâm điểm là đền Bản (xưa là xã Yên Nhân) thuộc trấn Bản Yên Nhân kéo dài đến đền thờ Đoàn Thượng ở Mao Điền (xưa là xã Mao Điền, tổng Mao Điền, huyện Cẩm Giàng). Khu vực đền Bản, là nơi mà trong thư tịch và truyền thuyết cho rằng, Đoàn Thượng đã đắp thành lũy để chống lại nhà Trần. Cuộc chiến của Nguyễn Nộn, Trần Thủ Độ với Đoàn Thượng tại nơi này và kết quả là Đoàn Thượng chết. Đoàn Văn (con của Đoàn Thượng) mang cả gia quyến đầu hàng Nguyễn Nộn. Khu vực Mao Điền là quê hương Ngài, đồng thời cũng là nơi chôn cất thi hài.

Vùng không gian truyền thuyết và địa lý chạy dài từ Bản Yên Nhân của Hưng Yên, kéo dài qua địa phận tỉnh Hải Dương và Hải Phòng là địa bàn hoạt động chính của Đoàn Thượng (xưa là Hồng Châu và Hải Đông), đồng thời cũng là dấu ấn của vị thủy thần, thần biển ảnh hưởng đến văn hóa của Hưng Yên, tạo thành một nhóm lễ hội riêng trong đời sống sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cư dân Hưng Yên.

Ở Hưng Yên, nếu lấy điểm trung tâm của hệ thống đền thờ là đền Bản Yên Nhân, thì độ lan tỏa tiếp tục được mở rộng ra xung quanh, với địa bàn liên kê là các xã của huyện Mỹ Hào, Yên Mỹ, Ân Thi lan tỏa xuống khu vực huyện Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ và thị trấn Hưng Yên. Trên địa bàn huyện Mỹ Hào có 4 nơi thờ: đền Bản và đình Bản, thôn Cộng Hòa, đình Phú Đa, thôn Phú H (thuộc thị trấn Bản) và đình thôn Lê xã Dương Quang. Huyện Yên Mỹ, nơi tiếp giáp với thị trấn Bản (xưa có 4 làng thuộc vào tổng Bản Yên Nhân), có 17 nơi thờ tiếp đến là Kim Động 10, Tiên Lữ 6, Khoái Châu 6, Ân Thi 5, Văn Giang 1, Phù Cừ 1 thị xã Hưng Yên 4.

Trong số các di tích thờ Đoàn Thượng ở Hưng Yên, khu vực đền Bản xưa, thuộc trấn Yên Nhân là nơi thể hiện tín ngưỡng thờ Đoàn Thượng một cách sâu đậm nhất x từ góc độ truyền thuyết, điện thần, nghi lễ và trò diễn, những kiêng kỵ, những lễ vật dâng cúng... được thể hiện ở các dịp lễ hội diễn ra trong năm.

3. Lễ hội thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng ở đền Bản

Theo truyền thuyết của địa phương nơi Đoàn Thượng hóa, mối đùn thành đất đồng là khu gò Mả Chín. Nhân dân lập miếu thờ tại gò. Thời gian sau đó, có trận vỡ đê, nước xô dạt ngôi miếu, một số c kèo trôi và dựng lại chỗ ngã ba sông Bả Nhân dân cho rằng, thần đã định vị ở đây nên lập đền thờ ở địa điểm này. Ngôi đền rất lớn và linh thiêng. Ngôi đền được dựng trên một khu đất rộng trên 3 mẫu Bắc E bố cục kiến trúc chữ công (I), gồm 7 gian

tiền bái, nhà ống muống 3 gian, 5 gian hậu cung. Phía trước nhà đại bái là phương đình, kiến trúc chồng diêm 2 tầng 8 mái. Đền trông ra sân rộng, phía ngoài là 4 cột trụ, tiếp đến là giếng, sau đó là sông Bần. Cung cấm khá lớn, tọa trên sập thờ, thánh tượng không có đầu. Phía ngoài nhà ống muống (đình giữa) đặt ban thờ công đồng; tiền bái hai bên quan văn, quan võ. Ngôi đền bị phá hủy hoàn toàn năm 1946.

Phụng thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng⁽⁴⁾ ở đền Bần là 7 làng/xã thuộc tổng Bần Yên Nhân xưa: Yên Nhân, Phú Đa, Buộm, Trung Phú (nay là làng Giai Phạm), Bần Trà (làng Trà Lôi), Ngự (Dẫn Ngự) (nay là Yên Phú, xã Giai Phạm), làng Yên Thổ (xã Nghĩa Hiệp). Các thôn này đều có đình làng, hàng năm vào dịp lễ hội tổ chức đều cử người tham gia tế lễ ở đền Bần và rước ngai thờ về đình làng mở hội. Từ quy mô di tích 7 làng thờ Đoàn Thượng, chúng tôi nhận thấy đền Trà Lôi là nơi giữ được nhiều nét cổ kính, uy nghi. Di tích Trà Lôi và Dẫn Ngự khá bề thế, được trùng tu, tôn tạo thường xuyên nên cảnh quan di tích và điện thần rất trang trọng. Đình Phú Đa có quy mô nhỏ bé hơn cả và điện thần cũng khiêm tốn nhất. Một điểm chung là trên điện thần của 7 di tích, chúng tôi nhận thấy việc thờ phụng Đoàn Thượng đều mang tư cách trung tâm. Trên điện thần, việc xuất hiện long ngai bài vị và tượng thần là một cách thờ cúng rất đặc trưng của văn hóa tâm linh người Việt. ở cả 7 địa phương, chính điện không thấy phối thờ bất cứ vị thần nào với Đoàn Thượng ngoại trừ việc thờ Đoàn Văn, con trai của Đoàn Thượng ở bên phải trong

hậu cung (đền Trà Lôi và Dẫn Ngự).

Việc tế lễ diễn ra trong đời sống tâm linh làng xã người Việt thường xuyên vòng tròn theo chu kỳ lập đi lập lại hàng năm. Với Đoàn Thượng, việc tế tự cũng xảy ra tương tự như vậy. Chúng tôi xin đi vào *nghi lễ tiêu biểu nhất* tại đền Bần, hàng năm, có hai kỳ lễ: từ ngày 10 đến 13 tháng giêng và từ 11 đến 15 tháng 4 âm lịch.

Tại đền Bần có 7 cỗ ngai thờ, trong dịp hội làng, các làng rước bài vị và ngai thờ về đình. 6 làng tổ chức hội chính vào kỳ lễ hội tháng 4 âm lịch, riêng có làng Phú Đa, được coi là làng em út, tổ chức hội chính vào kỳ lễ hội tháng giêng. Có sự thay đổi này nguyên do vào ngày 11 tháng 4, đoàn rước của 6 làng đến tập trung tại đền Bần. Mỗi làng được ấn định 2 giờ để làm các thủ tục lễ thánh, bắt đầu từ làng anh cả là làng Trà, tiếp đến làng Ngự, làng Yên Nhân, Buộm, Trung Phú và làng Yên Thổ. Làng Phú Đa là em út, đồng thời cũng vừa hết thời gian của buổi lễ ngày hôm đó nên được tổ chức hội rước sớm hơn cả, ngay từ ngày 10 tháng giêng. Trong đoàn rước kiệu của các làng đều có rước kiệu bát cống, long đình, nhang án, bát bửu, chấp kích, cờ quạt, quan viên chức sắc và dân làng.

Trong 3 ngày lễ hội, các làng đều tổ chức tế lễ, dâng cúng lễ vật. Với nơi thờ Đoàn Thượng, ở 7 làng chúng tôi chọn lựa khảo sát, việc dâng cúng cũng mang nhiều thông điệp xa xưa. Tạm quy lễ vật dâng cúng thành loại lễ vật chay; lễ vật mặn và lễ vật bằng đồ mã. Chúng tôi thấy rằng, trải qua thời gian, ở cả 7 làng, việc thực hành nghi lễ dâng đồ cúng đã diễn ra rất nghiêm cẩn, đều đặn và luôn đảm bảo

tính *thiên* xuyên suốt trình tự lễ nghi khi họ thực hành văn hóa ở địa phương.

Lễ chay dâng cúng là xôi chuối, dưa hấu, mía, trâu cau, rượu.

Lễ mặn là mâm thủ lợn hoặc gà.

Trường hợp tiêu biểu như làng Yên Nhân. Trong làng có 6 giáp, mỗi giáp có 6 ông Hương trưởng (tổng số 36 vị), đại diện cho cả làng để chuẩn bị cho lễ hội. Các Hương lại bầu ông đình cả làm chủ tế. Cùng với các ông Hương, còn có xã Trưởng, hội đồng tộc biểu, hương lý ở các làng... có nhiệm vụ chuẩn bị cho tế lễ ở đền Bản và hội ở các làng. Về lễ vật dâng cúng, hương ước quy định: Lệ làng, vào đám tháng 4, có 6 giáp cứ đến tháng tư, vào đám 3 ngày, từ ngày 11 đến ngày 13, mỗi ngày 2 giáp, lấy tiền công chi mỗi ngày 12 đồng bạc, chia làm hai lễ, mỗi lễ 6 đồng, giao người bàn *nhi* hai giáp ấy sửa lễ, mỗi lễ xôi 1 cân, chuối 2 nải, dưa 2 quả, mía 10 đoạn, cau 30 quả, rượu 3 chai...⁽⁵⁾.

Thông thường, cả 7 làng đều tổ chức lễ hội tại đình làng trong 3 ngày, những năm đời sống kinh tế khá giả có thể kéo dài thời gian từ 9 đến 15 ngày, sau đó rước ngài thờ trở về đền Bản "rước Thánh hồi cung". Trong cuộc rước từ đình của các làng về đền Bản, có năm đám rước của làng Yên Nhân, làng Buộm, Trà Lôi, Yên Thổ kiệu rước Đoàn Thượng "bay" xuống làng Mao Điền sau đó mới trở về an vị tại đền Bản. Kết thúc cuộc rước này, ngày hôm sau dân làng làm lễ an vị tại đền Bản và tại các đình.

Trong các ngày lễ hội, buổi tối các làng Yên Nhân, Trà, Ngự, đêm nào cũng hát chèo và tuồng ở phường đình. Mướn đội

chèo Khuốc ở Nhân Hòa, Mỹ Hào hoặc phường hát ở nhiều địa phương khác. Trên các bãi đất rộng xung quanh đình, chúc chơi cờ tướng, đi cầu kiều. Riêng làng Yên Thổ còn tổ chức thi thả diều, thả chồn, thả cá, đấu vật.

Ở đình Ngự, vào ngày lễ hội, dân làng diễn trò *rồng rắn*. Trò chơi rồng rắn như sau: một người của phường hát trong đầu rắn, người kế tiếp sau là của cả làng, tiếp sau là 10 - 15 người trong phường hát làm thân rắn. Đi trước rắn là một vị cao tuổi trong làng, tay cầm trống khẩu làm hiệu lệnh. Đoàn rồng rắn bện đuôi nhau đi cuốn vòng quanh từng đình, sau đó ra ngoài đường làng. Đi đến khu vực ao làng, thì người đứng sau lên bờ, xô đầu rắn xuống ao. Động tác nhanh mạnh, dứt khoát đẩy đầu rắn càng nhanh càng tốt, nếu để cho người trong vai đầu rắn túm được người đẩy, thì làng phải chuộc lại. Dân làng cho rằng nếu diễn thuận lợi, năm đó mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Trường hợp khó thuận, là điềm báo xấu, dân làng phải làm lễ để chuộc đầu rắn và tổ chức lại trò rồng rắn. Trò chơi này mang ý nghĩa cầu mưa trừ tai của cư dân nông nghiệp.

Vào những năm thời tiết nắng nóng hạn hán hoặc ôn dịch, hoàng trùng, dân làng làm lễ đảo vũ, cầu an. Lễ cầu an huy động cả 7 thôn cùng thờ Đoàn Thượng tham gia. Cả 6 thôn rước kiệu tập trung về làng Trà, là làng đàn anh (tục truyền là làng có mộ Thánh), sau đó cả đoàn rước về đền Bản tế lễ cầu đảo trong 3 ngày. Nếu trời vẫn chưa mưa, các làng rước thánh Đoàn Thượng phát du quả cầu mưa, có năm kiệu thánh "bay" tới

Mao Điền, rồi trở về an vị. Theo truyền ngôn của nhân dân, khi tổ chức cầu đảo, trời sẽ mưa. Một số kiêng kỵ về húy tên thánh như Thượng là phải gọi là Thạng; kiêng đọc từ Hải; không được mặc áo vàng; kiêng cất tiết gà, hoặc nếu có cất tiết gà thì phải có mảnh vải buộc quanh chỗ cất đó khi đem gà cúng thần... vẫn còn truyền lưu trong dân gian.

4. Bước đầu nhận diện lễ hội Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

Trước hết, việc thờ phụng Đông Hải đại vương Đoàn Thượng là một nhân vật có thật trong lịch sử ở giai đoạn cuối triều Lý, đầu triều Trần. Cuộc đời và sự nghiệp của Ngài gắn liền với mảnh đất lộ Hồng Châu hay Đông Hải thời Lý, sau này là lộ Hồng và Hải Đông thời Trần, với quy mô rộng lớn gồm cả vùng Hải Dương, Hải Phòng và một phần vùng đất huyện Mỹ Hào, Yên Mỹ, Ân Thi của tỉnh Hưng Yên hiện nay.

Thờ nhân thần là các bậc anh hùng có công giúp đời, trợ thế là một truyền thống của dân tộc Việt Nam. Cái chết oanh liệt của tướng quân Đoàn Thượng đã mở cửa điện thần cho biết bao làng xã thờ phụng và Đông Hải đại vương Đoàn Thượng đã trở thành đối tượng thờ phụng tối cao trên điện thần, là tâm điểm của các sinh hoạt tâm linh diễn ra ở nhiều địa phương. Năm Đinh Sửu (1637), các quan hộ đê sông Hóa vào lễ đến Đông Hải đại vương ở xã Đông Am, huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng), được Ngài âm phù giữ được đê khỏi vỡ⁽⁶⁾. Các di tích thờ Ngài hàng năm thường tổ chức cầu đảo trong những ngày đại hạn, Ngài âm phù được mưa thuận gió hòa.v.v...

Hiện tượng thờ thần Đông Hải đại vương là quá trình vận động, lan tỏa, trong đó có sự bồi tụ, chồng xếp các lớp văn hóa dưới tác động của môi trường sinh thái - nhân văn. Thần Đông Hải Đoàn Thượng là một nhân vật lịch sử, tuy nhiên khi đi vào đời sống tâm linh, nhân dân đã sớm khoác cho thần lớp áo dân gian với vai trò của một vị thủy thần cho phù hợp với cảm quan sinh hoạt tín ngưỡng của họ.

Thần tích và truyền thuyết đã chép, ngài vốn là con của Trời, thác sinh vào nhà họ Đoàn. “Thân mẫu mơ thấy con giao long đi lên từ đáy sông cuốn lấy mình”, từ đó mà mang thai sinh ra Đoàn Thượng⁽⁷⁾. “Thánh mẫu đi tắm ở sông Lục Đầu, bỗng dung trời đất u ám, chợt có con giao long từ đáy bể bò lên quán chặt lấy người bà, từ đó mang thai sinh ra Đoàn Thượng⁽⁸⁾. “Đông Hải là người con thứ 4 trong số 50 người con theo cha về biển, là anh của Tây Hải Long Vương”⁽⁹⁾.

Bên cạnh là một nhân thần - nhân vật lịch sử, thủy thần, việc phụng thờ thần Đoàn Thượng Đông Hải đại vương còn mang thêm một lớp văn hóa đã được bồi lắng trước đó. Theo các nhà dân tộc học, thì sâu sa của việc thờ Đông Hải vốn là lớp văn hóa thờ thần cá Voi của cư dân ven biển⁽¹⁰⁾. Đây là lớp văn hóa nằm trong dòng chảy tín ngưỡng thờ cá của cư dân người Việt vùng châu thổ Bắc Bộ, xuất phát từ quan niệm thờ thần bảo hộ nghề nghiệp. Khi tiếp xúc với cộng đồng cư dân Nam Đảo, tín ngưỡng thờ cá đã trở thành biểu tượng của thần biển, với phần ngữ âm của tên gọi có phần âm thanh “Càn” (Càn/ikan) đậm nét Nam Đảo.

Tục thờ cá/thờ cá voi của người Việt và

người Nam Đảo trên không gian văn hóa cổ từ thời sơ sử, có thể tín ngưỡng thờ cá của hai cộng đồng hòa kết nhau, tạo nên tính thống nhất (và thống nhất do tương đồng). Từ cái nền chung, thống nhất đó, theo dòng lịch sử đã có những biến đổi, tạo thành những biến thể khác. ở châu thổ Bắc Bộ, khi người Việt thủy chung với sông Hồng và lựa chọn nông nghiệp làm sinh nghiệp chủ yếu, thì sự giao tiếp với biển đã theo khuynh hướng lấn biển lấy đất để trồng lúa, trồng cói, đồng thời gìn giữ âm phần (phúc ám tổ tiên). Nhà nước phong kiến Đại Việt, với các triều đại Lý, Trần, Lê, cũng không mấy quan tâm đến biển ở phương diện kinh tế. Do đó biển dẫn nhạh nhòa trong tâm thức cư dân. Tín ngưỡng thần lúa/mẹ lúa của dân gian kết hợp với tín ngưỡng thờ thần Nông có nguồn gốc từ Trung Quốc để hình thành một thần nông Việt Nam, giữ vai trò thần chủ nghề nông, và được triều đình bảo trợ. Song sự giải thiêng tín ngưỡng thờ cá ở châu thổ Bắc Bộ không hẳn là tuyệt giao mà đã có sự chuyển hóa biểu tượng, trên cơ sở vẫn giữ căn cốt thờ cá. Đó là *sự chuyển hóa từ vật thiêng sang người thiêng*; từ nhiên thần sang nhân thần, thể hiện qua các dạng hóa thân: khi là một nhân vật lịch sử (Đoàn Thượng), khi là các vị thần biển hiển linh phù hộ cho Đại Việt thắng giặc bằng đường nước, như: Đông Hải đại vương, Nam Hải đại vương. Hai vị thần này đều được tôn làm thành hoàng, thờ nhiều ở tỉnh Nam Định, Hà Đông, Hưng Yên⁽¹⁾.

Có thể nói, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng là một thần đa nghĩa, không chỉ là thờ phụng nhân thần - nhân

vật lịch sử, mà còn là sự phụng thờ thủ, thần, thần biển, thờ thần cá Voi của cư dân ven biển./.

CHÚ THÍCH

1. Bao gồm: Hải Phòng - 141 di tích, Hải Dương - 125, Hưng Yên - 57, Thái Bình - 13, Nam Định - 13, Ninh Bình - 02, Thủ đô Hà Nội - 11, Hà Nam - 06, Vĩnh Phúc - 03, Bắc Ninh - 03, tỉnh Thanh Hóa - 03, Quảng Ninh - 02.
2. Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Phạm trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb Thuận Hoá Huế, 1997, Tập 3, tr. 427- 428.
- 3, 7, 8, 9. Kiều Thu Hoạch (chủ biên), *Truyề thuyết dân gian Việt Nam*, tập IV, trong *Tổng tập văn học dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H, 2004, tr 913, 914-918, 922-924, 918- 919.
4. Về danh xưng Đông Hải đại vương: trong số các nhân vật lịch sử được phụng thờ ngoài Đoàn Thượng còn có Trần Quốc Tảng (con của Hưng Đạo đại vương) và tướng Nguyễn Phục (danh tướng thời Lê cũng được tôn phong là Đông Hải đại vương. Đối với cư dân ven biển miền Trung, thờ thần Đông Hải đại vương chính là thờ thần cá voi.
5. Hương ước xã Yên Nhân, Thư viện tỉnh Hưng Yên, ký hiệu DC.97/VV.518.
6. Đoàn Văn Minh, *Đức thánh Đông Hải đại vương Đoàn Thượng*, Nxb Hải Phòng 2002, tr.76.
10. Tạp chí VHNT & Sở VHTT Hưng Yên, *Kết quả hội thảo khoa học Chủ Đổng Tử - Tiên Dung*, Sở VHTT Hưng Yên, 2000, tr.196.
11. Nguyễn Duy Hình, *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 1996, tr.176-182.